

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. BUÔN MA THUẬT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2025/HNGĐ-ST.

Ngày 12/3/2025.

“V/v không công nhận là vợ chồng”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Y Kam Ênuôl

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đoàn Văn Thống;

2. Ông Hoàng Việt Thống

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thùy Linh – Thư ký Tòa án nhân dân TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 12/3/2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 932/2024/TLST-HNGĐ ngày 28/11/2024 về việc *“Không công nhận là vợ chồng”*. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2025/QĐXXST- HNGĐ, ngày 25 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Đặng Quang L, sinh năm 1969

Địa chỉ: 3 P, tổ dân phố H, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – có mặt.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Bích P, sinh năm 1984

Địa chỉ: E L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Nguyên đơn ông Đặng Quang L trình bày nội dung như sau:**

Tôi và bà Nguyễn Thị Bích P tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2009 nhưng không đăng ký kết hôn.

Quá trình chung sống, chúng tôi hạnh phúc được một thời gian đầu thì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh do chênh lệch tuổi tác, không hợp nhau về tính cách nên mâu thuẫn vợ chồng xảy ra liên tục. Nay tôi nhận thấy mâu thuẫn giữa

chúng tôi đã trầm trọng, hạnh phúc gia đình không đạt được, hiện cả hai đã sống ly thân từ năm 2022 đến nay. Vì vậy, tôi yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận tôi và bà P là vợ chồng.

Về con chung: Có 01 con chung là Đặng Thùy T, sinh ngày 20/4/2010. Chúng tôi thống nhất giao con chung cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tôi có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung Đặng Thùy T số tiền là 1.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Bị đơn bà Nguyễn Thị Bích P trình bày:** Tôi và ông Đặng Quang L tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2009 nhưng không đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn, chúng tôi chung sống hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống nên thường xảy ra cãi vã. Do mâu thuẫn trầm trọng, nay chúng tôi đều không còn tình cảm và đã không còn chung sống với nhau từ năm 2022 cho đến nay. Vì vậy, tôi cũng thống nhất với yêu cầu của nguyên đơn, đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận tôi và ông L là vợ chồng.

Về con chung: Có 01 con chung là Đặng Thùy T, sinh ngày 20/4/2010. Chúng tôi thống nhất giao con chung cho tôi trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tôi yêu cầu ông L có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung Đặng Thùy T số tiền là 1.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Đại diện viện kiểm sát trình bày quan điểm giải quyết vụ án:** Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Quang L.

- *Về quan hệ hôn nhân:* Không công nhận quan hệ giữa ông Đặng Quang L và bà Nguyễn Thị Bích P là vợ chồng.

- *Về con chung:* Giao cháu Đặng Thùy T, sinh ngày 20/4/2010 cho bà Nguyễn Thị Bích P được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Ông Đặng Quang L được quyền đi lại thăm non con chung không ai được quyền cản trở.

- *Về cấp dưỡng nuôi con chung:* Ông Đặng Quang L có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi cháu Đặng Thùy T, sinh năm 20/4/2010 là 1.000.000 đồng/tháng. Thời gian thực hiện việc cấp dưỡng được tính kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, kết quả thẩm tra

chứng cứ tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về quan hệ pháp luật:* Quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự và loại tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. *Về trình tự thủ tục tố tụng:* Xét thấy các đương sự đều chấp hành quy định pháp luật và có mặt đầy đủ theo giấy triệu tập của Tòa án, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa xét xử đương sự đều có mặt.

[3]. *Về nội dung:* Giữa ông Đặng Quang L và bà Nguyễn Thị Bích P có chung sống với nhau từ năm 2009 nhưng không đăng ký kết hôn. Sau khi về chung sống với nhau giữa ông L và bà P thường xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống. Do mâu thuẫn trầm trọng, nên giữa ông L và bà P không còn tình cảm với nhau và đã không còn chung sống với nhau từ năm 2022 cho đến nay. Trong thời gian chung sống giữa ông L và bà P có 01 con chung là cháu Đặng Thùy T, sinh ngày 20/4/2010.

Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

3.1. *Xét về quan hệ hôn nhân:* Giữa ông Đặng Quang L và bà Nguyễn Thị Bích P là quan hệ hôn nhân không hợp pháp, ông L và bà P có chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện nhưng không đăng ký kết hôn tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Nay nguyện vọng của ông Đặng Quang L và bà Nguyễn Thị Bích P đều yêu cầu Tòa án không công nhận là vợ chồng. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ và ý kiến khai nhận của các bên xét thấy mâu thuẫn giữa ông L và bà P đã đến mức trầm trọng, không thể tiến đến quan hệ hôn nhân hợp pháp theo quy định của pháp luật, do đó ông Đặng Quang L làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án không công nhận là vợ chồng với bà Nguyễn Thị Bích P là phù hợp với quy định tại Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình.

3.2. *Về con chung:* Trong quá trình chung sống với nhau giữa ông Đặng Quang L và bà Nguyễn Thị Bích P có 01 con chung là cháu Đặng Thùy T, sinh ngày 20/4/2010, trong quá trình giải quyết vụ án ông L và bà P đều thống nhất là giao con chung cho bà Nguyễn Thị Bích P được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành và bản thân cháu T có nguyện vọng được ở với mẹ. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu tự thỏa thuận của ông L và bà P là giao cháu Đặng Thùy T, sinh ngày 20/4/2010 cho bà P được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Ông Đặng Quang L được quyền đi lại thăm non con chung không ai được quyền cản trở.

3.3. *Về cấp dưỡng nuôi con:* Ông Đặng Quang L và bà Nguyễn Thị Bích P đều thống nhất với nhau là ông L có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi cháu T là 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu T đến tuổi trưởng thành xét thấy đây là

sự tự thỏa thuận thống nhất giữa các bên nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận sự thỏa thuận này.

3.4. *Về tài sản chung và nợ chung*: Các bên đều không có đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Ông Đặng Quang L phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144; khoản 4 Điều 147; Điều 220; khoản 1 Điều 227; Điều 228; Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào Điều 14; Điều 15 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ mục 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

- Áp dụng nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Chấp nhận đơn yêu cầu không công nhận là vợ chồng của ông Đặng Quang L.

1.1. *Về quan hệ hôn nhân*: Không công nhận quan hệ giữa ông Đặng Quang L và bà Nguyễn Thị Bích P là vợ chồng.

1.2. *Về con chung*: Giao cháu Đặng Thùy T, sinh ngày 20/4/2010 cho bà Nguyễn Thị Bích P được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Ông Đặng Quang L được quyền đi lại thăm non con chung không ai được quyền cản trở.

1.3. *Về cấp dưỡng nuôi con chung*: Ông Đặng Quang L có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi cháu Đặng Thùy T, sinh ngày 20/4/2010 là 1.000.000 đồng/tháng. Thời gian thực hiện việc cấp dưỡng được tính kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

1.4. *Về tài sản chung và nợ chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông Đặng Quang L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con, khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà ông Đặng Quang L đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2023/0012402, ngày 19/11/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ

thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

*** Nơi nhân:**

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp. BMT;
- Chi cục THADS Tp.BMT;
- Các đương sự;
-;
- Lưu hồ sơ, TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Y Kam Ênuôl